

CÁC LOẠI HÌNH ĐỊA DANH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở VÙNG MIỀN NÚI THANH HÓA

Vũ Thị Thắng¹

TÓM TẮT

Loại hình địa danh lịch sử - văn hóa là loại tên gọi các đối tượng di tích lịch sử - văn hóa. Ở mỗi vùng miền, các loại hình địa danh lịch sử - văn hóa có sự khác nhau. Địa danh lịch sử - văn hóa vùng miền núi Thanh Hóa tương đối đa dạng, phản ánh đặc điểm văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, cảnh quan... của các địa phương. Đây chính là nội dung nghiên cứu của bài viết này.

Từ khóa: *Địa danh lịch sử - văn hóa, danh thắng, miền núi Thanh Hóa.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Địa danh thường được hiểu là tên gọi của các đối tượng địa lý tự nhiên và nhân văn tồn tại ở một vị trí nhất định trên trái đất. Những tên gọi này là những “tấm bia lịch sử - văn hoá”, là những “vật hoá thạch” lưu giữ các thông tin về địa phương, nơi mà chúng tồn tại. Những thông tin về địa lý tự nhiên, về cảnh quan môi trường, về văn hoá, lịch sử tộc người... được lưu giữ trong địa danh trở thành mối quan tâm của nhiều ngành khoa học khác nhau. Nhiều công trình khoa học, nhiều từ điển địa danh ra đời đã ghi nhận những giá trị của địa danh mang lại. Ở góc độ ngôn ngữ - văn hoá, địa danh trở thành đối tượng nghiên cứu đầy tiềm năng và đã có những thành công nhất định. Tuy nhiên, với một khối lượng khổng lồ các địa danh tồn tại dày đặc trên lãnh thổ Việt Nam thì việc nghiên cứu địa danh nói chung và địa danh lịch sử - văn hoá nói riêng tại các vùng miền, địa phương cụ thể chưa có dấu hiệu dừng lại. Nghiên cứu các loại hình địa danh lịch sử - văn hoá ở vùng miền núi Thanh Hóa cũng nằm trong dòng chảy chung đó. Đặc biệt, khi quá trình đô thị hoá đã và đang diễn ra sâu sắc đến tận các bản mường xa xôi thì việc nghiên cứu địa danh lịch sử - văn hoá để lưu giữ và phát huy các giá trị truyền thống của tộc người là việc làm cần thiết và ý nghĩa.

Vùng miền núi phía tây của tỉnh Thanh Hóa có 11 huyện, bao gồm: Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh. Đây là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số như: Thái, Mường, Thổ, Dao, Mông ở Thanh Hóa. Viết về vùng miền núi Thanh Hóa, sách “Đại Nam nhất thống chí” chép: “*Miền rừng núi thường có gió tây, khí sắc âm u, cho nên chưa đến tiết tiểu hàn, đại hàn mà ở rừng đã rét trước (...). Các phủ huyện thượng du (...) là dân Thổ, phong tục khác với người Kinh.*” [5; tr.242-243]. Hầu hết, các tài liệu nghiên cứu về Thanh Hóa trước kia chỉ tập trung ở đồng bằng ven biển, nơi có bề dày về văn hoá, lịch sử và là trung tâm của xứ Thanh trong lịch sử. Gần đây, khi chính sách dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng, các nghiên cứu về các địa phương này mới có những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, về mặt khoa học vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được lấp đầy, trong đó có địa danh lịch sử - văn hóa.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: vuthithang@hdu.edu.vn

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm địa danh lịch sử - văn hóa, loại hình địa danh lịch sử - văn hóa

2.1.1. Địa danh lịch sử - văn hóa

Địa danh lịch sử - văn hóa là tên gọi các di tích lịch sử - văn hóa tồn tại ở một địa phương nào đó. Luật Di sản văn hóa 28/2001/QH10 cũng quy định: “*Di tích lịch sử - văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học*”. Theo đó, “*Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau đây*:

a) *Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương;*

b) *Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;*

c) *Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu;*

d) *Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật.” [4]*

Các di tích lịch sử, văn hóa tồn tại ở một địa điểm nào đó và thường có một cái tên để xác định, đánh dấu, phân biệt với những đối tượng cùng loại. Lần theo những tên gọi này, cả một thế giới đầy huyền bí và thú vị trong quá khứ được mở ra theo những sự kiện, những giai thoại, huyền thoại về các nhân vật lịch sử, các danh nhân văn hoá,...

2.1.2. Loại hình địa danh lịch sử - văn hóa

Loại hình là “*tập hợp những sự vật, hiện tượng có cùng chung những đặc trưng cơ bản nào đó*” [10; tr.574]. Di tích và danh thắng là những đối tượng cá thể hoặc quần thể tồn tại ở những địa điểm cụ thể, riêng biệt. Tuy nhiên, để nghiên cứu và quản lý, các di tích và danh thắng có thể được xếp thành từng loại, từng nhóm theo những tiêu chí nhất định. Tập hợp các đối tượng có cùng những đặc trưng cơ bản sẽ tạo nên loại hình của địa danh. Vậy *loại hình địa danh lịch sử - văn hóa* là tên chung dùng để chỉ tập hợp các di tích lịch sử - văn hóa gắn với lịch sử và văn hóa của một địa phương, một dân tộc.

Căn cứ vào tiêu chí về di tích lịch sử, văn hóa có thể chia địa danh lịch sử - văn hóa thành 2 nhóm: địa danh lịch sử và địa danh văn hóa. Trong mỗi nhóm, dựa vào đặc điểm, tính chất đối tượng có thể chia thành các loại hình địa danh khác nhau. Di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử cách mạng thuộc các loại hình địa danh lịch sử; đình, đền, chùa,... thuộc các loại hình địa danh văn hóa. Tuy nhiên, sự phân loại này chỉ mang tính chất tương đối bởi có nhiều đối tượng đa chức năng, tức là cùng lúc thực hiện nhiều chức năng khác nhau. Có nhiều địa danh vừa có giá trị lịch sử vừa có giá trị văn hóa. Chẳng hạn: Chùa Mật Đa (TP. Thanh Hóa) vừa là địa danh văn hoá khi chỉ nơi thực hiện các nghi lễ trong tín ngưỡng thờ Phật, vừa là địa danh di tích lịch sử cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Bản Mạ, bản Vịn (Vạn Xuân, Thọ Xuân) vừa là thắng cảnh vừa là nơi bảo lưu

các giá trị văn hóa của tộc người Thái ở Thanh Hóa. Những địa danh mang tên hay thờ các anh hùng dân tộc, những danh nhân văn hóa hay những người có công khai quốc, lập làng như Đền Hùng (Phú Thọ), Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (Hà Nội), đền thờ Lê Lai (Thanh Hoá) vừa có giá trị về mặt lịch sử, vừa có những giá trị văn hóa.

Theo khảo sát, 11 huyện miền núi phía tây tỉnh Thanh Hóa có 15 loại hình địa danh lịch sử - văn hóa (chưa kể các danh thắng). Căn cứ các tiêu chí chức năng và giá trị văn hóa cơ bản có thể chia các loại hình địa danh ở vùng miền núi Thanh Hóa thành những nhóm sau:

Nhóm	TT	Loại hình	Ví dụ
Địa danh văn hóa	1	Am	Am Thổ công làng Si (Cẩm Sơn, Cẩm Thủy)
	2	Chùa	Chùa Mèo (Lang Chánh), chùa Sầm (Cẩm Yên, Cẩm Thủy)
	3	Di tích văn hóa	Mái Đá Điều (Bá Thước), Hang Con Moong (Thạch Thành),
	4	Đền /són/sấn	Đền Lê Trừ (Ngọc Lặc), Sấn Cỏ Nghiu (Nhu Xuân)
	5	Điện	Điện thờ ngựa thần của Tướng quân Lê Thọ (Cẩm Thủy)
	6	Đình	Đình Thi (Nghi Xuân), đình làng Muốt (Cẩm Thủy)
	7	Động	Động Cửa Hà (Cẩm Thủy)
	8	Miếu	Miếu Làng Cọc (Nhu Xuân), miếu thờ chúa chòm Trại (Cẩm Thủy)
	9	Nghè	Nghè Đình Tường (Thạch Thành), nghè Trúc (Cẩm Thủy)
	10	Nhà thờ	Nhà thờ ông La Mướng (Nhu Xuân), nhà thờ Tế Hộ (Thạch Thành)
	11	Nhà thờ Thiên Chúa	Nhà thờ Phong Ý (Cẩm Thủy), nhà thờ Vân Lung (Thạch Thành)
	12	Phủ	Phủ Hạ (Cẩm Văn, Cẩm Thủy)
Địa danh lịch sử	13	Di chỉ khảo cổ	Hang Làng Tráng (Bá Thước), hang Con Moong (Thạch Thành)
	14	Di tích lịch sử	Thung Voi (Lang Chánh), địa điểm Hội thề Lũng Nhai (Thường Xuân)
	15	Di tích lịch sử CM	Bắc Sơn (Ngọc Lặc), Đồng Mươi (Nhu Thanh)

Trong các loại hình địa danh đã khảo sát, bài viết chỉ khảo sát một số loại hình địa danh phổ biến ở miền núi như *chùa, đền, đình, nghè, miếu...* thuộc địa danh văn hóa tín ngưỡng và các di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ thuộc địa danh lịch sử.

2.2. Các loại hình địa danh văn hóa ở vùng miền núi Thanh Hóa

Loại hình địa danh văn hóa là loại hình địa danh gắn với các di tích văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan đến tôn giáo tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật, phong tục tập quán,... của các địa phương. Vùng miền núi Thanh Hóa có đầy đủ các loại hình địa danh

văn hóa giống như các địa phương khác ở Thanh Hóa và ở Việt Nam: đình, chùa, đền, miếu, nghề, phủ, điện, nhà thờ họ, nhà thờ Thiên Chúa, văn bia, văn chỉ... Đặc điểm địa hình và môi trường cảnh quan đã ảnh hưởng sâu sắc đến số lượng và tỉ lệ của từng loại hình trong tổng thể. Trong đó, số lượng các loại hình địa danh *đền, đình* có tỉ lệ cao nhất. Tuy nhiên, sự phân bố các loại hình này ở các địa phương là khác nhau.

Trước hết là loại hình địa danh *chùa*. Theo “Từ điển tiếng Việt”, chùa là “*Công trình được xây cất lên làm nơi thờ Phật*” [10; tr.181]. Ở các nước phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Lào, Việt Nam... chùa thường là nơi thờ Phật. Do sự tiếp biến văn hóa, hiện nay ở Việt Nam, chùa không chỉ thờ Phật mà còn phối thờ cả thần (VD: chùa Thầy và Chùa Láng thờ cả Từ Đạo Hạnh và Lý Thần Tông), thờ tam giáo (Phật - Lão - Khổng), thờ Trúc Lâm Tam tổ và thờ cả Mẫu. Theo thống kê khảo sát, vùng miền núi Thanh Hóa có 34 địa danh *chùa*. Trong đó đa số đã trở thành phế tích, một số chùa lớn được phục dựng và trở thành những điểm du lịch tâm linh hấp dẫn như chùa Mèo (Đỉnh Miêu thiên tự) ở Lang Chánh, chùa Ròng (Long Sơn tự), chùa Chặng (Ngọc Châu tự) ở Cẩm Thủy, chùa Di Lặc (Thiên tự Yên Cát) ở Như Xuân...

Chùa tồn tại nhiều nhất ở Cẩm Thủy. Theo khảo sát của nhóm tác giả “*Địa chí huyện Cẩm Thủy*”, Cẩm Thủy có 19 địa danh chùa [3; tr.929-911], chúng tôi khảo sát là 22 chùa, tính cả hiện tồn và phế tích. Các huyện khác ít hơn. Các huyện không có địa danh chùa là Mường Lát và Quan Sơn. Từ vị trí địa lý của các huyện và tỉ lệ tồn tại các địa danh chùa trên đây cho thấy: sông Mã đóng vai trò quan trọng trong không gian văn hóa xứ Thanh. Tín ngưỡng thờ Phật rất đậm ở miền đồng bằng sông Mã, trượt dần lên vùng núi thấp dọc sông Mã như Cẩm Thủy và nhạt dần ở vùng núi cao.

Đặc biệt, ở miền địa hình này, trước đây các ngôi *chùa* thường được đặt trong các hang, động, giống như các chùa hang khác tồn tại khá nhiều ở Việt Nam: Chùa Thạch Long (Cao Kỳ, Chợ Mới, Bắc Kạn), chùa Bích Động, chùa Bái Đính cổ, chùa Dịch Lộng và chùa Bàn Long ở Ninh Bình, chùa Hang còn gọi là Khổng Thạch tự ở Lý Sơn (Quảng Ngãi)... Có lẽ đây là hình thức sơ khai ban đầu của những ngôi chùa ở vùng miền núi hoặc ở sát chân núi. Ở miền núi Thanh Hóa, các địa danh có yếu tố *hang, động* như: Hang Chùa Làng Mắm (Cẩm Lương), chùa Hang H4 (Cẩm Giang), động Cửa Hà (Cẩm Phong), động Chùa Mông (Cẩm Phong)... đều là những địa danh có vị trí thờ cúng ban đầu là các hang động. Hiện tại, các chùa này đã được xây thành các công trình theo kiến trúc chùa của người Việt. Tuy nhiên vẫn còn một số chùa vẫn được thờ cúng trong hang đá, chùa Ròng ở làng Vàn, xã Cẩm Thạch (Cẩm Thủy) là một địa danh như vậy. Chùa Ròng không chỉ là di tích văn hóa tín ngưỡng mà còn là di tích lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Thủ lĩnh Lê Lợi đã chọn địa điểm này làm khu đóng quân, tìm các hang động trên núi Ròng để cất trữ lương thảo, rèn đúc vũ khí và là nơi cho nghĩa quân luyện tập.

Ngoài loại hình địa danh *chùa* để thờ Phật, các loại hình địa danh *đền, nghề, đình, miếu*... có sự giống nhau nhất định trong việc thờ cúng. *Đền* là “*nơi thờ thần thánh hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh*” [10; tr.310]. Đền phổ biến ở các huyện Cẩm Thủy, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân, các huyện khác rất ít. *Đình* thờ thành hoàng làng là những người có công đối với địa phương, bản làng, đồng thời là nơi hội họp, bàn việc

của dân làng. Ở vùng miền núi Thanh Hóa, đình có nhiều ở Cẩm Thủy, Thạch Thành, Như Xuân. *Miếu* là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phẩm chỉ và tượng trưng [2]. Miếu tập trung ở các huyện Như Xuân, Cẩm Thủy. *Nghè* là một hình thức của đền miếu, thờ thần thánh. Đây là kiến trúc thường có mối quan hệ chặt chẽ với một di tích trung tâm nào đó. Nghè chỉ có phổ biến ở Cẩm Thủy và Thạch Thành. Việc thờ cúng ở đền, đình, nghè, miếu hiện nay của đồng bào các dân tộc ở vùng miền núi Thanh Hóa khác nhau không nhiều. Chỉ khác nhau cơ bản là quy mô không gian, quy mô thờ cúng và các nhân vật được thờ cúng gắn với địa phương.

Trong văn hóa tín ngưỡng và phong tục tập quán người Việt, vai trò của các loại hình địa danh trên đây là không thể phủ nhận. Các loại hình địa danh này tồn tại phổ biến với số lượng lớn ở hầu khắp các vùng miền Việt Nam. Các vị thần, các nhân vật lịch sử, văn hóa được nhân dân thần thánh hóa và thờ phụng là để tỏ lòng tri ân những người có công. Vì thế sự tồn tại của các loại hình tín ngưỡng này trong đời sống văn hóa người Việt là một biểu hiện của truyền thống biết ơn, “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Ở 11 huyện miền núi Thanh Hóa, theo số liệu chúng tôi khảo sát, có 117 đền, 102 đình, 50 nghè, 23 miếu. Trong đó, các địa phương có tỉ lệ cao là Cẩm Thủy, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân.

Theo tên gọi của các địa danh và kết quả khảo sát, các vị thần/nhân vật được thờ trong các *đình, đền, nghè, miếu* của miền núi xứ Thanh gồm:

Các nhân vật lịch sử: Được thờ phụng trong các ngôi đền ở vùng miền núi Thanh Hóa là các thủ lĩnh, nghĩa sĩ, quân sĩ,... đã tham gia vào các cuộc kháng chiến chống xâm lược, chống bạo loạn, dẹp yên bờ cõi và biên giới đất nước. Những nhân vật này bao gồm:

Các tướng sĩ của nghĩa quân Lam Sơn và triều đại nhà Hậu Lê: Ngoài khu di tích Lam Kinh và các địa danh đền tồn tại ở Lam Sơn (Thọ Xuân), các đền thờ tướng sĩ của nghĩa quân Lam Sơn tồn tại nhiều nhất ở Ngọc Lặc, sau đó là các huyện Lang Chánh, Thường Xuân. Đền Tép thờ Lê Lai, đền Đình Lễ, Đình Liệt, Đình Bò ở Kiên Thọ (Ngọc Lặc), đền thờ Lê Trừ ở Minh Sơn (Ngọc Lặc), đền Chẹ thờ Lê Hắc Y ở Quang Trung (Ngọc Lặc), đền Làng Đám thờ Phạm Cuồng ở Vân Am (Ngọc Lặc), đền thờ Thượng tướng quân Lò Khăm Ban ở Hồi Xuân (Quan Hóa), đền Lãm ở Tân Thành (Thường Xuân) thờ tướng sĩ trong khởi nghĩa Lam Sơn,... Về gia đình của thủ lĩnh Lê Lợi có cả đền thờ Lê Lợi, bố và anh trai Lê Lợi. Đền thờ Lê Khoáng (Kiên Thọ, Ngọc Lặc) thờ bố Lê Lợi, đền Lê Trừ (Minh Sơn, Ngọc Lặc) thờ anh trai Lê Lợi, người có công khai khẩn đất hoang, lo việc hậu phương giúp em đánh giặc, được tôn là Thành hoàng làng [1; tr.107]. Riêng thủ lĩnh Lê Lợi có 2 đền thờ: đền Lê Lợi ở Kiên Thọ (Ngọc Lặc) và đền Lê Lợi ở thôn Năng Cát, Trí Nang (Lang Chánh).

Các vị tướng đời Trần: như Trần Khát Chân ở đền Trần khát Chân (Thành Hưng, Thạch Thành), nghè Phúc Lộc (Thành Hưng, Thạch Thành) thờ Lê Hồng Phúc,...

Những người có công trong việc dẹp loạn giữ gìn biên giới, trấn ải phía Tây Thanh Hóa: Đền thờ Tư Mã Hai Đào ở Sơn Thủy (Quan Sơn) và đền Tư Mã ở Tén Tàn (Mường Lát) thờ tướng quân Tư Mã Hai Đào. Hai Đào (thế kỷ XVIII) là người ở bản Đào, Mường Khô (nay là Điện Quang, Bá Thước), có công dẹp loạn thổ phỉ từ Lào tràn sang được chúa Trịnh ban tước Hoa Quận công và phong chức Tư Mã trấn ải biên cương [3; tr.293]. Đền

thờ Hà Công Thái ở Điền Trung (Bá Thước) thờ Quận công Hà Công Thái. Hà Công Thái là ông nội của Hà Văn Mao, là một tri châu có uy tín, có công chiêu mộ quân sĩ, xây dựng các đạo quân giúp Nguyễn Ánh.

Các thủ lĩnh và nghĩa sĩ trong phong trào Cần Vương: Trong phong trào chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, vùng miền núi Thanh Hoá có nhiều anh hùng đã tham gia phong trào này và lập nên nhiều chiến công. Để nhớ ơn những người anh hùng, nhân dân đã lập các đền thờ. Đó là đền thờ Cầm Bá Thước (Xuân Lạ, Thọ Xuân), đền thờ Hà Văn Mao (Cầm Thạch, Cầm Thủy), đền thờ Cầm Bá Hiên - ông nội Cầm Bá Thước (Vạn Xuân, Thọ Xuân), đền Cửa Đật thờ Cầm Bá Thước (Vạn Xuân, Thọ Xuân), đền thờ Hà Văn Nho (Văn Nho, Bá Thước).

Các anh hùng, liệt sĩ, thanh niên xung phong trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ: đền Luống Đồng (Hóa Quý, Như Thanh) thờ 2 cô gái thanh niên xung phong. Đền Chín Gian ở Thanh Quân (Như Xuân) ngoài thờ Trời còn thờ các anh hùng liệt sĩ của các xã vùng 6 Thanh của huyện Như Xuân.

Ngoài ra, trong các địa danh lịch sử - văn hóa vùng miền núi Thanh Hóa còn đền thờ Trịnh Ra, một viên quan Khố Sứ có công từ thời Cao Biền, đền thờ Quản Gia Đô Bác (Phúc Do, Cầm Thủy). Một số địa danh có thờ Chàng Cả, Chàng Hai và Chàng Ba như nghề Phe Trên (Giáp Chảy) ở Cầm Vân (Cầm Thủy) chưa rõ danh tính cụ thể...

Các vị thần có công với địa phương, làng bản, địa phương, dân tộc: Thờ Thành hoàng làng: Cũng như miền đồng bằng sông Mã, ở vùng miền núi Thanh Hóa, Thành hoàng làng thường được thờ chủ yếu là ở đình. Các vị thần Thành hoàng làng thường là những người đầu tiên khai ấp lập làng. Đó có thể là các ông tổ của các dòng họ được thờ trong các đình: đình Làng Hồ (Thọ Thanh, Thọ Xuân) thờ Lê Trực Đại vương. Đình Thi (Yên Lễ, Như Xuân) thờ tướng công Lê Phúc Thành, người lập công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cũng là người đầu tiên lập ra làng Sặt (làng Trung Thành), đình Bến Ván (Thượng Ninh, Như Xuân), đình làng Thanh Bình (Thanh Xuân, Như Xuân),... đều thờ những người đã có công lập làng. Có khi là thiên thần như đình Trung làng Mỏ (Thị trấn Cầm Thủy) thờ Thần Long Vương, đình Hạ làng Mỏ (Thị trấn Cầm Thủy) thờ thần Ngũ Lôi. Đình làng Vân Đội (Đình Mường Đòn, Thành Mỹ, Thạch Thành) được xây dựng từ thời Hậu Lê là nơi thờ Bạch Mã Linh Lang (tên thật là Vũ Duy Dương) và Thổ nường Công chúa (tức bà Vũ Thị Cao, là em gái của ông Vũ Duy Dương) là hai vị Thành hoàng của Mường Đòn. Đền Ông - Động Bà (Thị trấn Quan Hóa) thờ đôi vợ chồng theo truyền thuyết của người Thái ở vùng này. Các đình Rú Mùn, Giếng Vành, Má Pho của dân tộc Thổ ở Cát Tân (Như Xuân) thờ Bác Cả, Bác Hai và Bác Ba là 3 anh em: anh cả ở núi Bù Mùn, anh hai ở núi Tầm và anh ba ở núi khu bãi Trành (Như Xuân).

Đặc biệt, trong các địa danh miếu, tên các nhân vật được thờ ở vùng này đều rất rõ ràng. Đa số họ là những người đầu tiên đến khai ấp lập làng khi nơi đây còn là một vùng núi hoang sơ, rừng thiêng nước độc. Những người đầu tiên này đã xác định vị trí, phát cây, cắm đất, quy tụ mọi người lập nên những chòm dân cư đầu tiên của vùng đất. Miếu thờ thôn Đồng Phóng (Thanh Xuân, Như Xuân) thờ hai ông Lương Cả Đăm và Lương Cả Thiết. Miếu Nà Le (Thanh Sơn, Như Xuân) thờ ông Vi Văn Út. Miếu Sơn, Làng Cọc (Thanh Lâm, Như Xuân) thờ ông Pù Phấn. Miếu thờ chúa chòm Phầm (Cầm Bình, Cầm

Thủy) thờ ông Phạm Đình Cảnh... Mặc dù hiện tại nhiều miếu đã là phế tích nhưng công ơn của những người đầu tiên khai ấp, lập làng luôn được ghi nhớ trong ký ức của đồng bào nơi đây.

Thờ các nữ thần (thờ Mẫu): Bên cạnh thờ các nhân vật lịch sử, nhiều đình, đền, miếu, nghè ở vùng miền núi phía tây có thờ các nữ thần. Riêng Bạch Y công chúa, nữ thần đã cứu Lê Lợi thoát nạn trong khởi nghĩa Lam Sơn, có 3 đền thờ: đền thờ Bạch Y công chúa ở Thị trấn Thường Xuân và đền thờ Bạch Y công chúa ở Phú Nhuận (Nhu Thanh), đền Chiềng Vọng ở Cẩm Giang (Cẩm Thủy). Đền Cô Luồng (còn gọi là đền Cô Thị) ở Thị trấn Kim Tân (Thạch Thành) thờ vọng Bà Chúa Liễu, đền Bến Hang (Cẩm Liên, Cẩm Thủy) thờ bà Chúa Hích (vợ của Hồ Quý Ly) [1; tr.29], đền thờ Bà Chúa Trâm ở Phùng Giáo (Ngọc Lặc) thờ một nàng phi của Lê Lợi, người trước đây đã cùng mẹ mình nuôi giấu Lê Lợi trong thời kỳ kháng chiến chống quân Minh [7; tr.179-181]. Đền Nhà Bà làng Âm (Cẩm Châu, Cẩm Thủy), đền Chúa Thượng (Vân Du, Thạch Thành), đền Tự Cường (Thành Minh, Thạch Thành)... thờ Bà Chúa Thượng Ngàn. Đền Thánh Mẫu (Thạch Bình, Thạch Thành) thờ Nàng Nga - nhân vật được lưu truyền gắn với truyện thơ Nàng Nga - Hai Mối của người Mường. Đền Sỏi (Thành Minh, Thạch Thành) thờ Thủy Tinh Công chúa tôn thần và Thượng ngàn Sơn Tinh Công chúa. Đền thờ Bà Vua Thôi (làng Chợ, Cẩm Bình, Cẩm Thủy).

Thờ thủy thần: đền Khu Nang (Thành Minh, Thạch Thành), đền Dọc Dành (Ngọc Trạo, Thạch Thành), đền làng Đa Đụn (Thành Trục, Thạch Thành) thờ Thủy Tinh Ngọc Hoa Công Chúa.

Thờ Cao Sơn: Đền Phố Sỏi (Thành Minh, Thạch Thành), đền thờ Cao Sơn (Thạch Hưng, Thạch Thành),...

Thờ các Ông Táo và Lang Mường cũng phổ biến: Đền thờ Ông Táo Sanh (hay còn gọi tắt là đền Ông Táo) tại làng Don, nay thuộc địa phận thôn Xuân Hợp xã Xuân Bình (Nhu Thanh), đền Quan Lang (Cát Tân, Nhu Thanh)...

Thờ hổ: Nghè Đức Ông (Cẩm Vân, Cẩm Thủy) thờ hổ - ông ba mươi.

Thờ thần rắn: Thần rắn gắn với những thần tích về chàng Cụt của người Mường ở dọc hai bên bờ sông Mã. Thần rắn thường được thờ ở đền hoặc đình của các xã ở huyện Cẩm Thủy: Đền Ngọc (Cẩm Lương), đình Làng Vinh, đình Làng Xanh (Cẩm Bình, Cẩm Thủy). Nhóm tác giả “Đình làng xứ Thanh” cho rằng rắn ở đây chính là “con của thủy cung, được lệnh lên giúp vua chống giặc”, theo đó, thờ rắn là thờ thủy thần [8; tr.59].

Thờ thần núi, thần rừng: đình Trung làng Cót (Cẩm Sơn, Cẩm Thủy) thờ thần rừng. Nghè Quan Làng Ớm (Cẩm Yên, Cẩm Thủy) thờ thần rừng. Nghè Phe Đông (Cẩm Vân, Cẩm Thủy) thờ thần núi Tản Viên.

Thờ lúa: Đền Sao Vàng (Xuân Bình, Nhu Xuân) ở làng Đụn, nay thuộc địa phận thôn Mít thờ những hạt lúa vàng (Tư liệu điền dã).

Thờ tổ của các dòng họ: Són Mướng (Làng Lự, Thanh Lâm, Nhu Xuân) thờ ông tổ họ Hồn Vi. Đình Làng Ắn (Cẩm Tú, Cẩm Thủy) thờ ông tổ họ Cao...

Thờ Trời (Ngọc Hoàng): Tén Cau Hoong hay đền Chín Gian (Thanh Quân, Nhu Xuân).

Ở đây có cả những trường hợp chuyển lại giữa các loại hình: từ *chùa* chuyển thành *đền*: Đền Hang Chùa (Cẩm Bình) thờ Phật. Nghè Phú làng Đồng Trâm (Cẩm Yên, Cẩm

Thủy) thờ Chúa Thượng Ngàn. Nghè Phủ (Cầm Vân, Cầm Thủy) thờ Phạm Thị Ngọc (hay còn gọi là Bà chúa Cua, Bà chúa Che),...

Ngoài các địa danh lịch sử - văn hóa tiếng Việt (Kinh), ở vùng miền núi Thanh Hóa còn có các địa danh gốc tiếng Thái, tiếng Mường và tiếng Thổ. Tuy nhiên, hiện tại các tên gọi này đa số đã bị Việt hóa do tác động áp lực hệ thống của tiếng Việt. Loại hình địa danh tiếng Thái được gọi là *són/sán* hoặc tên tương đương với các địa danh *đền/đền thờ* của người Việt: *són Huôi Pủ* (Bãi Trành, Như Xuân), *són Mưong* hay *đền Làng Lự* (Thanh Lâm, Như Xuân)... Các địa danh gốc tiếng Thổ, tiếng Mường thường có ở Như Thanh, Như Xuân: *đình Nắc Vành - Má Pho*, *đình Mùn Thú* (Cát Tân, Như Xuân), *chùa Cò Chùa* (Cát Tân, Như Xuân)... Một số di tích văn hóa ghi dấu các phong tục của đồng bào các dân tộc vùng miền núi. Hàng loạt các quan tài cổ và đồ dùng của người Thái được tìm thấy trong các địa danh ở vùng núi cao: Hang Phi (Hồi Xuân, Quan Hóa), hang Trùng (Na mề, Quan Sơn), hang Hòm (Trung Xuân, Quan Hóa),... Núi Lai Li, Lai Láng huyền thoại là địa danh gắn với sử thi “Đẻ Đất, đẻ Nước” của đồng bào Mường ở xứ Thanh...

2.3. Các loại hình địa danh lịch sử ở vùng miền núi Thanh Hóa

Các loại hình địa danh lịch sử là những loại hình địa danh gắn với từng giai đoạn lịch sử, sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. Những giai đoạn, sự kiện, nhân vật lịch sử này đã được ghi chép trong sử sách hoặc được nhân dân địa phương lưu truyền trong dân gian tức là được huyền thoại hóa.

Theo tư liệu khảo sát, ở miền núi Thanh Hóa có các nhóm địa danh lịch sử: Di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử và di tích lịch sử cách mạng. Trong đó, *di chỉ khảo cổ* là những nơi các nhà khảo cổ đã phát hiện ra các hiện vật gắn với các thời kỳ cổ đại của người Việt: Hang Con Moong (Thành Yên, Thạch Thành), hang Làng Tráng (Lâm Xa, Bá Thước) Mái Đá Điều (Hạ Trung, Bá Thước),...

Di tích lịch sử là các địa danh gắn với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và các sự kiện lịch sử khác: di tích Hang Lòn (Giao An, Lang Chánh) là căn cứ của nghĩa quân Lam Sơn thời kỳ 1418-1423 [1; tr.61]. Di tích Núi Hón Oi (Quang Hiến, Lang Chánh) là nơi xảy ra các trận tập kích của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1419 - 1423. Hiện nay còn bàn ghế đá tương truyền Lê Lợi đã dùng để ngồi [1; tr.66]. Di tích Thung Voi (Đồng Lương, Lang Chánh) là nơi xảy ra các trận chiến của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1419 - 1423. Di tích Hang Bàn Bù (Ngọc Khê, Ngọc Lặc) là nơi tập hợp nuôi dưỡng nghĩa quân Lam Sơn. Di tích Thành Eo Gắm (Cầm Châu, Cầm Thủy) là thành đất chống giặc có từ thời Gia Long (1802)...

Di tích lịch sử cách mạng là các địa danh gắn với cuộc kháng chiến, các sự kiện lịch sử của các địa phương từ khi có Đảng lãnh đạo. Từ khi có Đảng, trải qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc, vùng miền núi Thanh Hóa là địa bàn đã diễn ra nhiều sự việc, sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sự góp mặt của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa trong sự nghiệp chung của dân tộc. Mỗi sự kiện qua đi còn để lại dấu tích trong các địa danh.

Di tích gắn với thành lập các tổ chức Đảng và các tổ chức Cách mạng: Lèn Ót ATK ở thôn Quảng Hợp (Hóa Quỳ, Như Xuân) là nơi tổ chức Hội nghị chuẩn bị thành lập Đảng

bộ vào 25 tháng 8 năm 1949. Gò Ái Thôn (Yên Lễ, Như Xuân) nơi đã diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân lần thứ nhất ngày 15 tháng 3 năm 1950.

Di tích gắn với kháng chiến chống thực dân Pháp: Hang Chùa, hang Cộng Sản, hang Ngân Hàng (Lộc Thịnh, Ngọc Lặc) là nơi ở của các chiến sĩ cộng sản và là nơi đặt ngân hàng của chính phủ kháng chiến thời chống Pháp. Di tích Hang Chùa (Cầm Châu, Cầm Thủy) trong kháng chiến chống Pháp là xưởng quân giới Lê Hồng Phong [1; tr.27]. Di tích Hang Lò Cao kháng chiến (Hải Vân, Như Thanh) được xây dựng chủ yếu trong các hang, hoạt động từ tháng 6 năm 1950 đến tháng 12 năm 1954, sản xuất được hơn 500 tấn gang, chế tạo ra rất nhiều vũ khí đạn dược để phục vụ kháng chiến.

Di tích gắn với kháng chiến chống đế quốc Mỹ: Di tích lịch sử cách mạng Núi Pha Ú Hò (Phú Lê, Quan Hóa) là nơi ngày 14 tháng 5 năm 1967 dân quân xã Phú Lê lập trận địa trên đỉnh núi Pha Ú Hò, bắn cháy 1 máy bay F105 và bắt sống giặc lái Mỹ. Địa điểm Cầu Pha Lò (Trung Thượng, Quan Hóa) là nơi bị giặc đánh phá ác liệt nhằm cắt đứt huyết mạch giao thông nối đôi bờ sông Lò sang nước bạn Lào. Ngày 10/2/1966, lực lượng dân quân các xã Trung Hạ và Tam Lư đã bắn cháy một máy bay F105 của Mỹ bằng súng bộ binh tại trận địa phòng không bảo vệ cầu Pha Lò [3]...

3. KẾT LUẬN

Dù tồn tại với số lượng và tỉ lệ khác nhau nhưng các loại hình địa danh lịch sử - văn hóa ở vùng miền núi Thanh Hóa đã phần nào phản ánh quá trình lịch sử và những đặc điểm văn hóa cơ bản của các địa phương. Nhiều địa danh là những di tích lịch sử, văn hóa đã được khôi phục cùng với việc phục dựng các lễ hội nhưng cũng có nhiều địa danh chỉ còn là phế tích. Đặc biệt các địa danh là các di tích lịch sử - văn hóa của các dân tộc thiểu số chưa được khôi phục nhiều. Hiện nay, quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ cao, lãnh đạo các địa phương cần có những chủ trương chính sách cụ thể, hợp lý cho việc phục dựng các di tích và lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Thanh Hóa để bảo lưu và phát huy những giá trị của các loại hình địa danh di tích lịch sử - văn hóa này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2001), *Tên làng xã Thanh Hóa*, tập 2, Nxb. Thanh Hóa.
- [2] *Cách phân biệt Chùa, đình, đền, miếu, nghề, điện, phủ, quán, am* (Nguồn <https://phatgiai.org.vn>)
- [3] Địa chí các huyện Bá Thước, Cầm Thủy, Như Xuân, Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn.
- [4] Quốc hội (2001), *Luật số 28/2001/QH10, Luật di sản văn hóa* (Nguồn <http://vanban.chinhphu.vn>)
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, (Phạm Trọng Điền dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
- [6] *Khu di tích Lam Kinh, Các di tích vệ tinh 1*, nguồn <http://www.ditichlamkinh.vn>

- [7] Phạm Tấn (2013), *Di tích danh thắng miền tây Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hoá, Thanh Hóa.
- [8] Lê Thị Thảo (2019), *Đình làng xứ Thanh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [9] Vũ Thị Thắng (2014), *Đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của địa danh Thanh Hóa*, luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [10] Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.

THE TYPES OF HISTORIC-CULTURAL LANDMARKS IN MOUTAINOUS REGIONS IN THANH HOA PROVINCE

Vu Thi Thang

ABSTRACT

Historical-cultural place names are the names of historical and cultural sites. Historical and cultural place names are different among regions. Historical - cultural places in Thanh Hoa mountainous regions are relatively diverse. They show the characteristics of culture, history, beliefs, customs, customs, nature, etc. of each region. This is the research content of the article.

Keywords: *Historical-cultural place names, Thanh Hóa mountainous region.*

** Ngày nộp bài: 2/11/2020; Ngày gửi phản biện: 6/11/2020; Ngày duyệt đăng: 15/12/2020*